

Số: 210 /KH-UBND

Hung Yên, ngày 05 tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Xây dựng, phát triển mô hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Tỉnh ủy Hưng Yên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/4/2026 Hội nghị BCH Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045;

Thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 10/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành thực hiện phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 478a/TTr-SNNMT ngày 28/5/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành kế hoạch xây dựng, phát triển mô hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 với nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước và của tỉnh về phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, gia tăng giá trị, phù hợp với quan điểm, định hướng trong Quy hoạch tỉnh, Đề án cơ

cầu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 và Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp bền vững giai đoạn 2026-2030.

Xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất tiên tiến, hiện đại, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững như nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp thông minh nhằm hình thành các chuỗi giá trị nông sản bền vững, nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Phát triển, kết nối, liên kết các cơ sở thành các mô hình nông nghiệp đa giá trị kết hợp công nghiệp chế biến và dịch vụ du lịch trải nghiệm, thúc đẩy kinh tế chia sẻ; Gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất thông minh với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, Halal,...) quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO,...) để đảm bảo an toàn thực phẩm nhằm nâng cao thu nhập cho người dân, tổ chức, cá nhân sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, gia tăng giá trị, đa dạng sản phẩm tăng thu nhập cho người dân; tăng sức cạnh tranh của ngành hàng nông sản tỉnh Hưng Yên, góp phần quan trọng đảm bảo an ninh lương thực, an toàn thực phẩm và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

Việc triển khai kế hoạch phải đồng bộ với các chủ trương phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp, điều kiện về thổ nhưỡng, tập quán canh tác và tình hình thực tiễn của các địa phương trong tỉnh.

Kế hoạch là căn cứ để các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực. Lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch vào các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, hoạt động có liên quan tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Việc xây dựng và phát triển các mô hình cần phải được tổ chức theo chuỗi giá trị, gắn chặt giữa sản xuất với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; đảm bảo chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, thực hiện đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tăng cường áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm nông lâm thủy sản.

Quá trình thực hiện Kế hoạch phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết; thường xuyên cập nhật chủ trương, nhiệm vụ mới đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị để tập trung chỉ đạo, điều hành, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, hình thành các mô hình sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn, thông minh, gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ; nâng cao giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông sản. Tổ

chức sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ giữa sản xuất - chế biến - tiêu thụ; xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Đến năm 2045, hình thành nền nông nghiệp đa giá trị, gắn với kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu. Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị khép kín, liên kết chặt chẽ với chế biến, dịch vụ và thị trường, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh.

Phấn đấu hàng năm tăng 10% số cơ sở, diện tích được chứng nhận các tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt, quy trình sản xuất tiên tiến như VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP, hữu cơ, HACCP, ISO.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng hỗ trợ mô hình áp dụng phương thức sản xuất nông nghiệp (VietGAP, VietGAHP, hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ) gắn với sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm;

- Tiếp tục duy trì, nhân rộng hỗ trợ phát triển mô hình áp dụng một hoặc nhiều phương thức sản xuất (VietGAP, VietGAHP, hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ) gắn với sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm;

- Các chất thải trong hoạt động sản xuất nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng theo quy định; các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và sản xuất nông nghiệp (hộ gia đình, trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp, cán bộ ngành nông nghiệp...) được tiếp cận với các quy trình quản lý, sử dụng chất thải và tái chế, tái sử dụng các phụ phẩm, các công nghệ xử lý chất thải và tái chế phụ phẩm trong nông nghiệp;

- Từng bước hình thành và tham gia thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm nông nghiệp tuần hoàn, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch;

- 100% các mô hình được số hóa quản lý truy xuất theo chuỗi sản phẩm từ sản xuất ban đầu đến khi sản phẩm đưa ra thị trường, sản phẩm được gắn tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm phù hợp với phương thức sản xuất theo quy định; hộ nông dân, tổ chức, cá nhân tham gia mô hình, liên kết mô hình được tập huấn quy định đáp ứng quy định trong sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn mô hình áp dụng.

3. Tiêu chí tham gia

- Tham gia mô hình là hộ sản xuất, hộ cá thể, tổ chức, cá nhân có tư cách pháp nhân (hộ cá thể, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác..);

- Quy mô, diện tích, địa điểm sản xuất phù hợp với quy định chuyên môn, chuyên ngành: mô hình trồng trọt từ 03ha trở lên; mô hình chăn nuôi từ 150con gia súc; 3000con gia cầm trở lên; mô hình thủy sản từ 01ha trở lên; có vùng sản xuất phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp của địa phương.

- Tham gia sản xuất sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và sản phẩm được sơ chế, chế biến từ sản phẩm thực vật, động vật là lương thực, thực phẩm;
- Có đơn và tự nguyện tham gia, có sản phẩm đảm bảo an toàn, đáp ứng tiêu chí sản phẩm hàng hóa theo quy định.

III. NỘI DUNG

1. Rà soát, khảo sát đánh giá mô hình tham gia

- Phối hợp với các địa phương rà soát, khảo sát, lựa chọn các mô hình tham gia đáp ứng đủ tiêu chí để triển khai xây dựng và phát triển mô hình. Tập trung triển khai xây dựng và phát triển mô hình đối với các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của tỉnh, trong đó trọng tâm là nhóm cây ăn quả (nhãn, vải, chuối, cam, bưởi...), nhóm cây trồng chủ lực (lúa gạo), nhóm rau, cây thực phẩm, nhóm chăn nuôi (gia súc, gia cầm), nhóm thủy sản (tôm, cá,...) và một số sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP có tiềm năng phát triển thành hàng hóa.

- Đánh giá bước đầu các mô hình, vùng sản xuất về sự phù hợp ban đầu với điều kiện của mô hình tham gia, có tính khả năng nhân rộng, phát triển.

2. Truyền thông, tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng mô hình

- Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân, đơn vị sản xuất kinh doanh về áp dụng các chương trình quản lý chất lượng, An toàn thực phẩm tiên tiến; các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp công nghệ cao.

- Đào tạo, hướng dẫn cho Hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, làng nghề, các chủ thể tham gia sản xuất, tiêu thụ, các quy định về An toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, chuyển giao khoa học công nghệ; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong quản lý chất lượng An toàn thực phẩm.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông của trung ương, địa phương xây dựng các tin bài tuyên truyền và quảng bá mô hình, truyền thông mô hình.

3. Xây dựng, mở rộng, duy trì, phát triển mô hình nông nghiệp thực hành sản xuất tốt, tuần hoàn, hữu cơ gắn với xúc tiến tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm

- Xây dựng, mở rộng, duy trì, phát triển mô hình sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ nông sản an toàn đạt tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP, hữu cơ, tuần hoàn, áp dụng quy trình quản lý chất lượng HACCP, ISO.

- Hỗ trợ vật tư đầu vào (giống, phân bón, thức ăn,...); Hỗ trợ chuyển giao, hạ tầng công nghệ, thiết bị, máy móc, vật tư, kiểm soát vùng nuôi trồng/sơ chế/chế biến được áp dụng sản xuất an toàn, sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP, VietGAHP, hữu cơ, giảm thiểu nguy cơ môi trường, tạo chuỗi sản xuất khép kín đa dạng sản phẩm, sản phẩm được gắn nhãn, chứng nhận tăng sức cạnh tranh của mô hình.

- Tổ chức các chương trình kết nối cung cầu, giao thương sản phẩm; xây dựng các thương hiệu sản phẩm phát triển sản phẩm, nhận diện sản phẩm...vv.

- Ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm được gắn nhãn VietGAP, hữu cơ, gắn kết truy xuất nguồn gốc chuyên sản phẩm tạo trường cơ sở dữ liệu thực hiện quản lý, nâng cao trách nhiệm cũng như xây dựng thương hiệu cho tổ chức/cá nhân và sản phẩm khi đáp ứng tiêu chí mô hình.

4. Công tác quản lý giám sát mô hình

- Triển khai chương trình quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt VietGAP, GlobalGAP, theo hướng hữu cơ, hữu cơ; Chương trình thực hành vệ sinh tốt, xác định điểm tới hạn gây mất an toàn thực phẩm GMP, ISO, SSOP, HACCP, (hoặc tương đương).

- Hoạt động nâng cao năng lực đánh giá, hậu kiểm, giám sát chất lượng đối với các sản phẩm các Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ cá thể tham gia mô hình.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu trên hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc chuyên ngành.

- Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các mô hình trên cơ sở hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, mức độ áp dụng khoa học công nghệ, khả năng tiêu thụ và sự tham gia, đối ứng của các chủ thể trong chuỗi. Thực hiện nghiệm thu các mô hình theo quy định, làm cơ sở xem xét công nhận kết quả, thanh quyết toán kinh phí và định hướng nhân rộng.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổng hợp, thống kê, rà soát triển khai mô hình

Hàng năm, căn cứ theo kế hoạch, xu hướng, thực trạng và nhu cầu phát triển sản xuất, lựa chọn cơ sở đáp ứng tiêu chí để tham gia xây dựng mô hình hoặc phát triển mô hình theo các phương thức sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ, công nghệ cao, đối với các đơn vị thực trạng sản xuất, chế biến kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Đào tạo, tập huấn và truyền thông về mô hình

- Tổ chức tập huấn, đào tạo cho các tổ chức, cá nhân sản xuất nhằm nắm bắt, thực hành các quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn, quy định về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, kết hợp công nghiệp, kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ

- Phối hợp với các Viện, trường đại học, các cơ quan chuyên ngành đào tạo, tập huấn chuyển giao công nghệ; phối hợp với các tổ chức chứng nhận được chỉ định triển khai tập huấn phổ biến các quy chuẩn, tiêu chuẩn tính chất các loại hình sản xuất gắn với mô hình; về chất lượng sản phẩm trong nước và thị trường xuất khẩu.

- Phối hợp với cơ quan truyền thông của tỉnh, các mô hình xây dựng các tin bài, các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo An toàn thực phẩm.

3. Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ trong triển khai mô hình, sản phẩm của mô hình

- Lĩnh vực trồng trọt: Nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng quy trình sản xuất các chế phẩm, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, chế

phẩm bảo quản, chế biến; quy trình canh tác khép kín, bền vững giảm phát thải khí nhà kính; quy trình canh tác hữu cơ; công nghệ tái chế phụ phẩm trồng trọt; quy trình canh tác rải vụn, trái vụn.

- Lĩnh vực chăn nuôi: Nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ về sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn bổ sung/chất bổ sung thức ăn chăn nuôi, các chế phẩm sinh học xử lý môi trường chăn nuôi; chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học; các quy trình công nghệ chăn nuôi tuần hoàn không chất thải; tiết kiệm tài nguyên; các quy trình và công nghệ thu gom, xử lý chất thải lỏng, chất thải rắn thành phân bón hữu cơ cho canh tác cây trồng; các công nghệ tái chế, sử dụng phụ phẩm trong ngành chăn nuôi (phân thải, máu, xương, chất độn chuồng) làm năng lượng tái tạo, phân bón.

- Lĩnh vực thủy sản: Nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sản xuất thức ăn thủy sản, các sản phẩm dinh dưỡng bổ sung thức ăn thủy sản từ phụ phẩm nông nghiệp, các chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi; quy trình công nghệ nuôi tuần hoàn nguồn nước, không chất thải; quy trình thu gom, xử lý tái sử dụng nước nuôi khép kín, xử lý bùn thải, nước thải trong nuôi trồng thủy sản.

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế và sử dụng phụ phẩm từ sản xuất lâm nghiệp; giải pháp quản lý rừng bền vững, phục hồi rừng tự nhiên bị suy thoái, phát triển mô hình sản xuất lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng.

- Triển khai điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí khi thực hiện áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, VietGAHP, hữu cơ);

- Thực hiện đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dạy nghề cho lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, chuyển giao kỹ thuật về nông nghiệp tuần hoàn, sản xuất nông nghiệp hữu cơ; sơ chế sản phẩm an toàn; biên soạn, in ấn tài liệu, biểu mẫu phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn;

- Đầu tư xây dựng, cải tạo: đường giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật VietGAP, nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ.

- Thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn, hàng năm đánh giá lại và duy trì giấy chứng nhận;

- Triển khai xây dựng nhân rộng các mô hình nông nghiệp tuần hoàn: Áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương;

- Các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

- Thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản: Hệ thống đường điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý chất thải trong

các hoạt động sản xuất; chuyển giao công nghệ trong sản xuất, sơ chế, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nông lâm thủy sản và muối.

4. Ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

- Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin điện tử (website) của tổ chức, cá nhân có sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an toàn và kết nối với cổng thông tin cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh hoặc các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước phục vụ chuyên môn

- Tư vấn giải pháp chuyển đổi số đối với quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

- Xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn chuyển giao công nghệ.

5. Giải pháp phát triển liên kết sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ và mở rộng mô hình

- Hỗ trợ khuyến khích, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: triển khai các hội nghị đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết xây dựng, quản lý các tổ chức, cá nhân sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm sản và thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng: Tư vấn xây dựng và ban hành hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm thực phẩm; Thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng hàng hóa; Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (HACCP, ISO, GMP, FSSC...); Tư vấn, công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm phù hợp theo quy định sản phẩm thực phẩm. Nghiên cứu thử nghiệm phát triển sản phẩm, dịch vụ.

- Tuyên truyền, quảng cáo mô hình, cửa hàng giới thiệu sản phẩm, báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác: về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, phát triển thị trường và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tuần hoàn, sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng hàng hóa; chứng nhận, duy trì hệ thống quản lý chất lượng (HACCP, ISO); tư vấn, công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm phù hợp theo quy định sản phẩm thực phẩm.

- Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu:

Thiết kế và in ấn bao bì, nhãn mác sản phẩm; tem nhãn nhận diện sản phẩm; máy in tem quản lý, xây dựng logo, nhãn hiệu, xây dựng thương hiệu sản phẩm; Quảng bá, quảng cáo mô hình, cửa hàng giới thiệu sản phẩm, báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.

Thực hiện, chuyên đề tuyên truyền, xây dựng cơ sở dữ liệu, cẩm nang, tờ gấp, tờ rơi, cataloge, các video clip để giới thiệu, quảng bá và các kênh thông tin, truyền thông về sản phẩm; tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm trong và ngoài tỉnh.

- Tham gia các sàn thương mại điện tử, thực hiện quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa; đăng ký, duy trì tài khoản truy xuất, tài khoản giao dịch/dịch vụ trên sàn thương mại điện tử; tham gia xúc tiến tiêu thụ sản phẩm.

6. Cơ chế chính sách

6.1. Cơ chế của Trung ương

- Các Nghị định của Chính Phủ số: 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 về nông nghiệp hữu cơ; 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 về Khuyến nông; 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 về quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác; 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa; 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã và văn bản khác có liên quan;

- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 72/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; số 174/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 phê duyệt đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030; số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 phê duyệt đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021- 2030; số 417/QĐ-TTg ngày 22/03/2021 phê duyệt đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021 - 2030; số 540/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 về việc phê duyệt Đề án phát triển khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đến năm 2030 và các văn bản khác có liên quan;

- Các Thông tư, Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số: 824/QĐ- BNN-TT ngày 16/4/2012 về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành trồng trọt đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; 245/QĐ-BNN-CBTTNS ngày 16/01/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực chế biến nông sản theo hướng nâng cao năng lực chế biến gắn với phát triển thị trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNNPTNT ngày 18/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm nông lâm sản không đảm bảo an toàn; 4653/QĐ-BNN-CN, ngày 10/11/2015 ban hành quy định thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP); 06/2018/TT-BNNPTNT, ngày 21/6/2018 về sửa đổi Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và các quyết định, thông tư, văn bản khác có liên quan;

- Các Thông tư của Bộ Tài chính số: 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; và các văn bản hiện hành khác.

6.2. Cơ chế của tỉnh

- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy số: 199/2019/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy Hưng Yên về chương trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030; số 13-NQ/TU ngày 01/4/2026 của Tỉnh ủy Hưng Yên; ..vv và văn bản khác.

- Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh số: 25/2015/QĐ-UBND, ngày 24/12/2015 về ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên; 14/2023/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 về việc ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và các văn bản ban hành cơ chế chính sách của tỉnh và của trung ương được áp dụng, triển khai thực hiện.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

- Kinh phí từ nguồn ngân sách của tỉnh (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Kinh phí từ nguồn tài trợ, hỗ trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Kinh phí từ nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị căn cứ nội dung Kế hoạch, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí để triển khai thực hiện theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện.

Chủ trì rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản; phối hợp các sở, ngành liên quan tham mưu bố trí, lồng ghép nguồn lực thực hiện.

Chủ trì tổ chức khảo sát, lựa chọn vùng, sản phẩm và đối tượng, xây dựng mô hình điểm; hướng dẫn quy trình kỹ thuật, theo dõi, đánh giá hiệu quả và nhân rộng các mô hình trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì triển khai Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ trong triển

khai mô hình, sản phẩm của mô hình. Ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và kết nối thị trường.

Phát triển liên kết sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ và mở rộng mô hình. Phối hợp với các sở, ngành và địa phương trong xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu sản phẩm, phát triển liên kết chuỗi giá trị.

Tổ chức đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho cán bộ, hợp tác xã, doanh nghiệp và người dân.

Chủ trì theo dõi, tổng hợp, định kỳ báo cáo UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện; kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, đơn vị, địa phương liên quan căn cứ khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn thực hiện hiện Kế hoạch theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật liên quan.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành, địa phương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước cho Nông nghiệp, nông dân, nông thôn; nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia của nhà nước và tư nhân và các cơ chế, chính sách liên quan khác.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu, triển khai các nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.

Hướng dẫn xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Phối hợp triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu áp dụng các chính sách thương mại, triển khai các hoạt động thương mại, thúc đẩy tiêu thụ. Đồng thời thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động kinh doanh hàng giả, hàng nhái hàng kém chất lượng lưu thông trên thị trường.

5. UBND xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, các địa phương chủ động xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn;

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp về các mô hình sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản theo hướng hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái, thông minh; vận động các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện.

- Tổ chức rà soát, lựa chọn vùng sản xuất, sản phẩm chủ lực, đối tượng tham gia; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan triển khai mô hình điểm và nhân rộng các mô hình hiệu quả;

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất tham gia liên kết chuỗi giá trị; phối hợp triển khai ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc sản phẩm;

- Huy động, lồng ghép các nguồn lực tại địa phương; quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực được hỗ trợ;

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) theo quy định.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trước ngày **05/12** hằng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị báo cáo kịp thời (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Tài Chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo và Đài phát thanh truyền hình tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Lưu: VT, KT2^(T. Tuần).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
05/06/2026 08:36:17

Lại Văn Hoàn

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số 210 /KH-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhóm nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
1	Rà soát vùng sản xuất, sản phẩm nông lâm thủy sản và muối, các đối tượng đủ điều kiện	UBND xã phường; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hàng năm
2	Tổ chức đăng ký, đề xuất danh sách cơ sở tham gia, Thẩm định, lựa chọn mô hình đáp ứng tiêu chí	UBND xã phường; Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND xã phường, Hợp tác xã, doanh nghiệp	Hàng năm
3	Tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo, dạy nghề nâng cao năng lực cho HTX, doanh nghiệp, người dân ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông lâm thủy sản và muối.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã phường	UBND xã phường, cơ sở đào tạo	Hàng năm
4	Xây dựng, mở rộng, duy trì, phát triển mô hình sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ nông sản an toàn đạt tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt VietGAP, VietGAP, GlobGAP, hữu cơ, tuần hoàn...vv, áp dụng quy trình quản lý chất lượng HACCP, ISO, ...vv gắn với các hoạt động xúc tiến tiêu thụ, phát triển thị trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã phường	UBND xã phường, Hợp tác xã, doanh nghiệp, địa phương	Hàng năm
5	Triển khai hoạt động quản lý mô hình, kiểm tra giám sát, hậu kiểm chất lượng sản phẩm. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu trên hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc chuyên ngành.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã	UBND xã phường	Hàng năm

STT	Nhóm nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
6	Phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng các tin bài tuyên truyền và quảng bá mô hình, truyền thông mô hình điển hình tiên tiến.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã	Các cơ sở thông tin truyền thông; báo đài	Hàng năm
7	Báo cáo đánh giá kết quả xây dựng, triển khai mô hình; sơ kết, tổng kết mô hình	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã	Các cơ sở thông tin truyền thông; báo đài	Hàng năm